

Điểm chuẩn trường Đại Học Công Nghiệp Quảng Ninh năm 2018

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là trường Đại học định hướng nghề nghiệp-ứng dụng, đào tạo kỹ sư thực hành hệ 4 năm, trực thuộc Bộ Công thương, được thành lập ngày 25/12/2007, theo Quyết định số 1730/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Là trường đại học đa ngành, sáng tạo tri thức mới, công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông bắc và cả nước.

Địa chỉ: Yên Thọ, tx. Đông Triều, Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3871 292

Điểm chuẩn Đại Học Công Nghiệp Quảng Ninh chi tiết các ngành năm 2018:

BÁM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-cong-nghiep-quang-ninh>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Chi tiết điểm chuẩn năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D01; D07	15.5	Học bạ THPT 18 điểm
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	15.5	
3	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	15.5	
4	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; D07	15.5	
5	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	A00; A01; D01; D07	15.5	
6	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A00; A01; D01; D07	15.5	
7	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00; A01; D01; D07	15.5	
8	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; D01; D07	15.5	
9	7520501	Kỹ thuật địa chất	A00; A01; D01; D07	15.5	
10	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00; A01; D01; D07	15.5	
11	7520601	Kỹ thuật mỏ	A00; A01; D01; D07	15.5	
12	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	A00; A01;	15.5	

			D01; D07		
--	--	--	----------	--	--

Xem thêm điểm chuẩn năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn
1	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	A00; A01; D01; D07	15
2	7520601	Kỹ thuật mỏ	A00; A01; D01; D07	15
3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	A00; A01; D01; D07	15
4	7520501	Kỹ thuật địa chất	A00; A01; D01; D07	15
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; D01; D07	15
6	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00; A01; D01; D07	15
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A00; A01; D01; D07	15
8	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	A00; A01; D01; D07	15
9	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; D07	15
10	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	15
11	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	15
12	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D01; D07	15

Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành năm học 2018 - 2019 như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp xét tuyển
			Xét KQ thi THPT QG	Xét học bạ THPT	
1	7340301	Kế toán	80	120	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Văn, Tiếng Anh Toán, Hóa, Tiếng Anh
2	7340101	Quản trị kinh doanh	20	30	
3	7340201	Tài chính ngân hàng	20	30	
4	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	100	150	
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	220	330	
6	7520601	Kỹ thuật mỏ	40	60	
7	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	28	42	
8	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	32	48	
9	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	60	90	Toán, Lý, Hóa

10	7480201	Công nghệ thông tin	40	60	Toán, Lý, Tiếng Anh
11	7520503	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	20	30	Toán, Văn, Tiếng Anh
12	7520501	Kỹ thuật địa chất	20	30	Toán, Hóa, Tiếng Anh